

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả kiểm tra nội bộ năng lực tiếng Anh
tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 về ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 về ban hành quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định 664/QĐ-ĐHTN ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Quy định tổ chức kiểm tra năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết quả kiểm tra nội bộ năng lực Tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tổ chức ngày 22/11/2025 của thí sinh;

Căn cứ Biên bản xét kết quả kiểm tra nội bộ năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tổ chức ngày 22/11/2025;

Căn cứ kết quả phúc tra đợt kiểm tra ngày 22/11/2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả kiểm tra nội bộ năng lực Tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tổ chức ngày 22/11/2025 (danh sách trong phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Phòng Thanh tra Pháp chế;
- TT. CNTT và Thư viện (đăng website);
- Các khoa đào tạo;
- Lưu: VT, ĐT (T.02b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Văn Nam

Phụ lục

**KẾT QUẢ KIỂM TRA NỘI BỘ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ BẬC 3
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM, ĐỢT KIỂM TRA NGÀY 22/11/2025**

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						Kết quả
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	
1	22901001	B001	R' Mah H' Lê	A	20/10/2004	Nữ	6.0	6.0	5.0	7.0	24.00	6.00	Đạt
2	23903002	B002	Mi Ri	Am	15/04/2005	Nữ	3.0	6.0	9.0	3.5	21.50	5.38	Đạt
3	22302001	B003	Lê Văn	An	21/07/2003	Nam	4.0	6.0	8.0	2.0	20.00	5.00	Đạt
4	20410003	B004	Hoàng	Anh	15/08/2002	Nam	4.0	6.0	9.0	2.0	21.00	5.25	Đạt
5	21404002	B005	Nguyễn Hoàng	Anh	29/12/2003	Nam	0.0	6.5	7.5	3.0	17.00	4.25	Không đạt
6	24412002	B006	Nguyễn Thị Hải	Anh	09/11/2006	Nữ	6.5	6.5	9.0	5.0	27.00	6.75	Đạt
7	22901003	B007	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/12/2003	Nữ	4.0	6.5	3.0	1.5	15.00	3.75	Không đạt
8	23410006	B008	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	27/03/2004	Nữ	6.0	6.0	5.0	4.0	21.00	5.25	Đạt
9	19403001	B009	Thái Hoàng	Anh	10/02/2001	Nữ	1.0	6.0	9.5	2.5	19.00	4.75	Không đạt
10	24901004	B010	Trịnh Thị Hoàng	Anh	25/08/2006	Nữ							Hoãn thi
11	21402209	B011	Vô Vân	Anh	07/06/2003	Nữ	5.5	5.5	5.0	6.5	22.50	5.63	Đạt
12	24902004	B012	Hoàng Ngọc	Ánh	04/08/2006	Nữ	4.5	6.0	6.5	6.5	23.50	5.88	Đạt
13	22404002	B013	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	14/05/2004	Nữ	3.0	6.0	7.5	3.0	19.50	4.88	Không đạt
14	22903002	B014	Nah Ria Ngọc	Ánh	28/07/2004	Nữ	2.0	6.0	8.5	2.5	19.00	4.75	Không đạt
15	22607004	B015	H' Nasan	Ayũn	08/04/2004	Nữ	3.0	6.0	6.0	1.0	16.00	4.00	Không đạt
16	23903004	B016	Đặng Thị	Bằng	09/06/2001	Nữ	6.0	7.0	7.0	5.0	25.00	6.25	Đạt
17	22305006	B017	Nguyễn Trần Hoài	Bảo	30/08/2004	Nam	0.0	6.5	4.0	0.0	10.50	2.63	Không đạt
18	23105003	B018	Trần Quang	Bảo	17/10/2005	Nam	4.0	6.0	6.0	0.0	16.00	4.00	Không đạt
19	23903006	B019	Nay H'	Bi	13/09/2004	Nữ	0.0	6.0	1.5	0.0	7.50	1.88	Không đạt
20	23607007	B020	H'	Bíc	25/10/2005	Nữ							Vắng
21	21305218	B021	Trần Hải	Bình	17/07/2003	Nam	5.0	6.0	5.0	4.0	20.00	5.00	Đạt
22	23903008	B022	H - Đuên	Byă	18/01/2005	Nữ							Vắng
23	22607008	B023	H' Driu	Byă	01/01/2004	Nữ	3.0	6.0	6.5	2.0	17.50	4.38	Không đạt
24	23903009	B024	H Hoan	Byă	18/03/2005	Nữ	0.0	6.0	3.0	0.5	9.50	2.38	Không đạt
25	24903020	B025	Nay H'	Cháu	12/02/2006	Nữ	3.0	6.0	6.5	0.5	16.00	4.00	Không đạt
26	22402010	B026	Phùng Đỗ Kim	Chi	30/10/2004	Nữ	6.0	5.0	6.5	4.5	22.00	5.50	Đạt
27	20302002	B027	Huỳnh Bá	Diệp	28/11/2002	Nam	0.0	5.0	9.0	2.5	16.50	4.13	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
28	23903011	B028	Mai Ngọc Vân	Diệp	08/03/2005	Nữ	3.0	6.0	8.5	4.0	21.50	5.38	Đạt
29	23903016	B029	H'	Điệp	11/11/2004	Nữ	3.0	6.0	7.0	3.0	19.00	4.75	Không đạt
30	23403017	B030	Nguyễn Thị Kim	Diệu	23/10/2005	Nữ	5.0	6.0	7.5	2.5	21.00	5.25	Đạt
31	23311005	B031	Trịnh Hương	Diệu	14/04/2005	Nữ	8.0	6.0	6.5	4.0	24.50	6.13	Đạt
32	23903013	B032	Khúc Thị	Dịu	25/08/2005	Nữ	3.0	5.0	2.5	0.5	11.00	2.75	Không đạt
33	22902006	B033	H- Doanh	Du	26/10/2004	Nữ	5.5	5.0	5.5	5.0	21.00	5.25	Đạt
34	22903012	B034	H' Lôs	Du	27/03/2001	Nữ	7.0	7.0	9.0	5.0	28.00	7.00	Đạt
35	23412010	B035	Phan Thị Mỹ	Đức	10/11/2005	Nữ	7.5	4.0	8.0	6.5	26.00	6.50	Đạt
36	23313001	B036	Đỗ Trí	Dũng	20/12/2005	Nam	4.0	6.5	5.5	1.0	17.00	4.25	Không đạt
37	23410025	B037	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23/07/2005	Nữ	6.0	4.0	7.0	7.5	24.50	6.13	Đạt
38	23403021	B038	Trần Nguyễn Ánh	Dương	21/11/2005	Nữ	4.0	3.0	3.0	2.0	12.00	3.00	Không đạt
39	20101023	B039	Trần Sỹ Khánh	Duy	26/06/2002	Nam	7.0	4.0	7.5	5.0	23.50	5.88	Đạt
40	24402027	B040	Trịnh Thị Thùy	Duyên	25/12/2006	Nữ							Vắng
41	23903018	B041	H Diệp	Êban	28/03/2005	Nữ	5.0	3.0	6.0	8.0	22.00	5.50	Đạt
42	21607004	B042	H Du	Êban	20/02/2003	Nữ							Vắng
43	23410031	B043	H Dịu	Êban	05/07/2005	Nữ	3.0	7.0	9.0	0.5	19.50	4.88	Không đạt
44	22607009	B044	H' Jốp	Êban	12/09/2004	Nữ	6.0	3.0	4.0	2.0	15.00	3.75	Không đạt
45	22903016	B045	H	Gái-hmők	23/11/2004	Nữ	5.5	5.0	8.0	4.0	22.50	5.63	Đạt
46	23903019	B046	Hồ Thị Hương	Giang	13/08/2005	Nữ	6.0	5.0	4.0	2.5	17.50	4.38	Không đạt
47	22404007	B047	Phạm Vũ Châu	Giang	18/02/2004	Nữ	4.0	7.5	9.0	5.0	25.50	6.38	Đạt
48	24402041	B048	Nguyễn Thúy	Hà	17/04/2006	Nữ							Vắng
49	22902011	B049	Võ Thị Thu	Hà	10/01/2002	Nữ	6.5	5.5	7.5	8.0	27.50	6.88	Đạt
50	23313003	B050	Nguyễn Bảo	Hân	24/01/2005	Nữ	5.5	7.5	8.5	3.0	24.50	6.13	Đạt
51	23403032	B051	Trần Đặng Bảo	Hân	03/02/2005	Nữ	7.0	7.0	9.0	4.5	27.50	6.88	Đạt
52	22411004	B052	Phạm Thu	Hằng	17/08/2003	Nữ	6.5	7.5	7.5	7.0	28.50	7.13	Đạt
53	22903021	B053	Tạ Thị Thu	Hằng	03/07/2004	Nữ	5.0	7.0	6.5	2.0	20.50	5.13	Đạt
54	22306004	B054	A	Hào	27/11/2004	Nam							Vắng
55	22605005	B055	Kpã	Hem	26/07/2004	Nam	4.0	5.0	9.0	1.5	19.50	4.88	Không đạt
56	23903022	B056	Nguyễn Thị	Hiền	23/02/2005	Nữ	8.0	7.5	7.5	7.0	30.00	7.50	Đạt
57	22607013	B057	Lê Thị Minh	Hiếu	01/07/2003	Nữ	6.0	7.5	5.0	6.0	24.50	6.13	Đạt
58	21607059	B058	H' Vêra	Hlõng	08/01/2003	Nữ	4.5	4.0	3.5	0.5	12.50	3.13	Không đạt
59	22902012	B059	H' Sa La Mi -	Hmők	29/10/2004	Nữ	3.0	5.5	7.5	2.5	18.50	4.63	Không đạt
60	23903025	B060	Nguyễn Thị Mai	Hoa	29/12/2004	Nữ	5.0	7.5	7.5	3.0	23.00	5.75	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						Kết quả
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	
61	23903027	B061	Ksor	Hóa	08/09/2005	Nữ	3.0	5.5	3.5	1.5	13.50	3.38	Không đạt
62	22903026	B062	Nguyễn Thị	Hòa	12/01/2004	Nữ							Vắng
63	22410110	B063	Đinh Văn	Hoan	20/05/2004	Nam	4.0	8.5	7.5	2.5	22.50	5.63	Đạt
64	22410019	B064	Ngô Đức	Hoàng	10/02/2004	Nam	4.5	8.5	8.0	3.0	24.00	6.00	Đạt
65	20403042	B065	Ngô Minh	Hoàng	08/10/2002	Nam	2.5	8.5	8.0	4.0	23.00	5.75	Đạt
66	21307086	B066	Phạm Văn	Hoàng	25/02/2003	Nam	6.0	8.5	7.5	5.5	27.50	6.88	Đạt
67	22404010	B067	Phạm Xuân	Hoàng	19/04/2004	Nam	5.0	8.5	8.0	4.5	26.00	6.50	Đạt
68	23403037	B068	Vi Thị	Hồng	27/06/2004	Nữ	1.0	8.5	7.5	5.5	22.50	5.63	Đạt
69	22305027	B069	Phan Gia	Huân	14/09/2003	Nam	1.5	8.5	7.0	8.0	25.00	6.25	Đạt
70	22607014	B070	Hoàng Xuân	Hương	28/01/2004	Nữ	2.5	8.5	8.5	3.0	22.50	5.63	Đạt
71	20103023	B071	Lục Sĩ	Huy	26/05/2000	Nam	3.5	8.5	8.5	2.5	23.00	5.75	Đạt
72	20307253	B072	Tạ Quang	Huy	10/05/2000	Nam							Hoãn thi
73	22601018	B073	Mang Thị Thu	Huyền	19/08/2004	Nữ	5.5	4.5	5.0	4.5	19.50	4.88	Không đạt
74	23311012	B074	Nguyễn Thị	Huyền	23/05/2005	Nữ	7.5	8.5	8.5	3.0	27.50	6.88	Đạt
75	22402035	B075	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/01/2004	Nữ	8.5	8.5	7.5	5.0	29.50	7.38	Đạt
76	23903030	B076	Vi Thị Ngọc	Huyền	29/06/2005	Nữ	6.5	8.5	7.0	5.5	27.50	6.88	Đạt
77	23903033	B077	H Xĩa	Hwing	08/11/2005	Nữ	2.5	8.5	7.5	4.5	23.00	5.75	Đạt
78	21401054	B078	Y Su Sin	Kbuôr	07/02/2002	Nam	8.0	5.0	8.0	1.5	22.50	5.63	Đạt
79	23101012	B079	Trần Quang	Khải	14/11/2005	Nam	8.5	5.0	7.5	7.0	28.00	7.00	Đạt
80	20305210	B080	Rôô	Khanh	04/05/2002	Nam	7.0	8.5	7.0	4.5	27.00	6.75	Đạt
81	18307155	B081	Hoàng Trọng	Khánh	03/11/1999	Nam	4.5	5.0	5.5	2.5	17.50	4.38	Không đạt
82	22410026	B082	Lê Đăng	Khoa	10/02/2004	Nam	6.0	8.5	9.0	2.5	26.00	6.50	Đạt
83	21305058	B083	Đoàn Văn	Khôi	16/11/2003	Nam	2.5	8.5	8.5	1.0	20.50	5.13	Đạt
84	21404054	B084	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khôi	22/08/2003	Nam	2.0	8.5	8.5	4.5	23.50	5.88	Đạt
85	24903071	B085	Ksor H'	Khuên	27/03/2006	Nữ	6.5	8.5	9.0	6.0	30.00	7.50	Đạt
86	23903035	B086	Y -	Khuyết	22/11/2005	Nữ	3.0	8.0	9.0	4.5	24.50	6.13	Đạt
87	23406019	B087	Lê Thị Thúy	Kiều	29/01/2005	Nữ	7.5	7.5	7.5	4.0	26.50	6.63	Đạt
88	24903077	B088	H' Bruai Niê	Ksor	03/06/2005	Nữ	6.5	7.0	7.0	6.5	27.00	6.75	Đạt
89	23903037	B089	H Dìn	Ksor	24/07/2005	Nữ	6.5	8.5	8.0	4.5	27.50	6.88	Đạt
90	23903038	B090	H Xuân	Ksor	08/01/2005	Nữ	6.0	8.5	8.5	4.5	27.50	6.88	Đạt
91	22410029	B091	Nguyễn Cảnh	Kỳ	01/09/2004	Nam	6.0	8.5	9.0	3.0	26.50	6.63	Đạt
92	23903040	B092	Cruyang Sĩ	La	21/03/2005	Nữ	6.5	8.0	8.0	1.5	24.00	6.00	Đạt
93	22403051	B093	Phan Thanh	Lâm	01/10/2004	Nam	7.5	7.5	7.0	7.0	29.00	7.25	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
94	22607018	B094	Mai Thị Thảo	Liên	19/05/2004	Nữ	5.0	6.5	3.0	0.0	14.50	3.63	Không đạt
95	22903091	B095	Y Sy	Lin	22/10/2004	Nữ	4.0	7.0	6.5	0.1	17.60	4.40	Không đạt
96	23903041	B096	H' Bôi	Linh	19/10/2005	Nữ	2.0	4.0	3.5	2.0	11.50	2.88	Không đạt
97	23311020	B097	Lê Thị Ngọc	Linh	29/11/2005	Nữ	8.0	4.5	6.0	3.0	21.50	5.38	Đạt
98	24901056	B098	Nguyễn Phương	Linh	17/11/2006	Nữ							Hoãn thi
99	24901058	B099	Phạm Bùi Phương	Linh	03/11/2006	Nữ							Hoãn thi
100	23608025	B100	Trần Đức	Linh	18/07/2005	Nam	6.0	3.5	4.5	4.5	18.50	4.63	Không đạt
101	24901059	B101	Trần Thị Mỹ	Linh	14/08/2006	Nữ							Hoãn thi
102	24903081	B102	Lục Thị Hồng	Loan	07/05/2006	Nữ	4.0	5.0	5.0	3.5	17.50	4.38	Không đạt
103	21305317	B103	Hoàng Đình	Long	02/03/2003	Nam							Vắng
104	22404014	B104	Nguyễn Bá	Long	03/09/2004	Nam	4.0	3.5	5.5	4.0	17.00	4.25	Không đạt
105	22404048	B105	Võ Bùi Phi	Long	22/05/2004	Nam	4.5	6.0	3.0	0.5	14.00	3.50	Không đạt
106	24402077	B106	Hồ Thị Bích	Ly	24/11/2006	Nữ							Vắng
107	22403061	B107	Mai Cẩm	Ly	27/02/2004	Nữ	6.0	5.0	3.5	2.0	16.50	4.13	Không đạt
108	23903044	B108	Trịnh Thị	Ly	14/10/2005	Nữ	4.5	6.5	6.5	3.0	20.50	5.13	Đạt
109	24901068	B109	Lê Thị Xuân	Mai	01/03/2006	Nữ							Hoãn thi
110	23903045	B110	H' Hoa Mi	Mdrang	29/03/2005	Nữ	5.0	7.0	7.0	0.0	19.00	4.75	Không đạt
111	23903046	B111	Lưu Thị	Mến	04/07/2005	Nữ	5.0	5.0	7.0	7.0	24.00	6.00	Đạt
112	22605010	B112	Cill Pam	Miju	08/10/2004	Nữ	5.0	6.5	3.0	2.0	16.50	4.13	Không đạt
113	23403059	B113	Nguyễn Thị	Minh	23/05/2005	Nữ	5.0	5.0	3.0	2.0	15.00	3.75	Không đạt
114	22601028	B114	H' Diệu	Mlô	25/10/2004	Nữ	5.0	5.0	6.0	6.0	22.00	5.50	Đạt
115	23311023	B115	H La Ra	Mlô	20/11/2004	Nữ	5.0	6.5	6.5	4.0	22.00	5.50	Đạt
116	23903049	B116	H Su An	Mlô	10/03/2005	Nữ	5.0	6.5	5.5	2.0	19.00	4.75	Không đạt
117	23903051	B117	H'wân	Mlô	25/01/2005	Nữ	4.0	5.0	5.0	2.0	16.00	4.00	Không đạt
118	23903052	B118	H-giang	Mlô	24/12/2005	Nữ	4.0	5.0	2.0	2.0	13.00	3.25	Không đạt
119	23605010	B119	Si Wan	Mlô	18/08/2005	Nữ	4.0	5.0	5.0	2.5	16.50	4.13	Không đạt
120	21309061	B120	Rahlan H'	Muanh	02/03/2003	Nữ	7.5	6.5	5.0	4.0	23.00	5.75	Đạt
121	23403062	B121	Doãn Thị Kiều	My	04/05/2005	Nữ	4.5	5.0	3.0	0.0	12.50	3.13	Không đạt
122	24901075	B122	Nguyễn Trí	Mỹ	20/01/2006	Nam							Hoãn thi
123	22903043	B123	Phạm Thị	Na	18/03/2001	Nữ	6.0	5.5	6.0	7.0	24.50	6.13	Đạt
124	23605011	B124	Ngọc Văn	Nam	06/04/2005	Nam	3.0	6.5	8.5	2.5	20.50	5.13	Đạt
125	20404034	B125	Nay H'	Nép	01/01/2001	Nữ	3.0	6.5	3.5	1.0	14.00	3.50	Không đạt
126	23903055	B126	Dương Thanh	Nga	21/04/2005	Nữ	7.5	5.5	8.0	4.0	25.00	6.25	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
127	23403068	B127	Đỗ Thị Kim	Ngân	28/01/2005	Nữ	5.5	6.5	6.5	5.0	23.50	5.88	Đạt
128	22607021	B128	Hoàng Thanh	Ngân	22/12/2003	Nữ							Vắng
129	22305055	B129	Lê Thị	Ngọc	18/12/2003	Nữ	1.0	5.5	7.5	2.5	16.50	4.13	Không đạt
130	23903056	B130	Trần Thị Mỹ	Ngọc	17/06/2005	Nữ	5.5	6.5	6.0	7.0	25.00	6.25	Đạt
131	23903057	B131	Ksor H'	Nguê	03/05/2005	Nữ	2.0	6.5	7.0	4.0	19.50	4.88	Không đạt
132	23903058	B132	Nay H'	Nguyệt	18/08/2004	Nữ	5.0	6.0	8.5	6.5	26.00	6.50	Đạt
133	23605012	B133	Chu Thị Tú	Nhi	16/04/2005	Nữ	5.0	6.0	4.0	5.5	20.50	5.13	Đạt
134	23406075	B134	Dương Yên	Nhi	22/02/2005	Nữ	7.0	6.5	8.5	7.5	29.50	7.38	Đạt
135	21305255	B135	Lê Hạnh	Nhi	26/01/2003	Nữ	5.0	6.5	6.5	7.5	25.50	6.38	Đạt
136	23402075	B136	Lê Thị Mỹ	Nhi	20/05/2005	Nữ	8.0	6.5	7.0	8.5	30.00	7.50	Đạt
137	23903059	B137	Mai Thị Huyền	Nhi	13/02/2005	Nữ	6.5	6.0	8.5	7.0	28.00	7.00	Đạt
138	22403072	B138	Nguyễn Ngọc Lâm	Nhi	10/10/2004	Nữ	8.0	6.5	6.5	6.5	27.50	6.88	Đạt
139	23403079	B139	Phan Thị Kiều	Nhi	26/08/2005	Nữ	6.5	6.5	8.0	5.5	26.50	6.63	Đạt
140	20305078	B140	Mai Lâm Tâm	Như	08/10/2002	Nữ							Vắng
141	22305069	B141	Nguyễn Văn	Nhự	04/01/2004	Nam	5.0	6.0	6.0	1.5	18.50	4.63	Không đạt
142	22607025	B142	H Đ'rim	Niê	25/11/2004	Nữ	4.0	6.0	8.5	4.5	23.00	5.75	Đạt
143	24903115	B143	H Mi La	Niê	17/07/2005	Nữ	4.0	6.5	3.5	4.5	18.50	4.63	Không đạt
144	22607026	B144	H Phương	Niê	02/09/2004	Nữ	4.0	6.5	4.5	6.0	21.00	5.25	Đạt
145	22303008	B145	Y Kiệt	Niê	26/07/2003	Nam	4.0	6.5	8.5	2.5	21.50	5.38	Đạt
146	22903061	B146	Y -	Nữ	10/06/2004	Nữ	6.0	7.0	5.0	6.5	24.50	6.13	Đạt
147	23903063	B147	Cao Thị Kiều	Oanh	19/01/2004	Nữ	2.0	6.5	8.0	2.5	19.00	4.75	Không đạt
148	23402087	B148	Nguyễn Ngọc Kim	Oanh	10/12/2005	Nữ	8.5	6.5	9.0	5.5	29.50	7.38	Đạt
149	23406036	B149	Phạm Lâm	Oanh	22/08/2005	Nữ	7.0	6.5	5.5	6.0	25.00	6.25	Đạt
150	22903062	B150	Vũ Kiều	Oanh	09/06/2004	Nữ	2.0	6.5	8.5	6.0	23.00	5.75	Đạt
151	23402088	B151	Trương Nhật	Phát	22/08/2005	Nam	6.5	7.5	5.0	3.0	22.00	5.50	Đạt
152	22605014	B152	Kon Sa Ha	Phúc	29/09/2004	Nam	6.0	6.5	8.5	3.0	24.00	6.00	Đạt
153	21305117	B153	Nguyễn Trọng	Phúc	01/11/2003	Nam	6.0	6.0	8.5	4.5	25.00	6.25	Đạt
154	21605066	B154	Đinh Dương	Phương	26/11/2003	Nam	5.0	5.0	5.0	3.0	18.00	4.50	Không đạt
155	21307159	B155	Ngô Thanh	Phương	09/05/1999	Nam	8.5	7.5	8.5	8.0	32.50	8.13	Đạt
156	22403089	B156	Đỗ Thị Bích	Phượng	29/02/2004	Nữ	5.0	8.0	5.5	3.0	21.50	5.38	Đạt
157	21305124	B157	Nguyễn Thanh	Quân	01/09/2003	Nam	3.5	6.5	8.5	6.0	24.50	6.13	Đạt
158	21305129	B158	Nguyễn Ngọc	Quý	05/03/2003	Nam	8.0	6.5	5.5	2.0	22.00	5.50	Đạt
159	22410062	B159	Phạm Nguyễn Nhân	Quý	27/02/2004	Nam	8.0	6.0	7.5	3.0	24.50	6.13	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						Kết quả
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	
160	22305079	B160	Đậu Đức	Quyết	12/04/2004	Nam	1.0	7.0	8.5	4.0	20.50	5.13	Đạt
161	22404020	B161	Đỗ Thị Chúc	Quỳnh	06/01/2004	Nữ	2.0	7.5	5.5	0.0	15.00	3.75	Không đạt
162	23903069	B162	Đoàn Hà Như	Quỳnh	13/05/2005	Nữ	8.0	6.5	8.0	7.0	29.50	7.38	Đạt
163	22402038	B163	Lê Như	Quỳnh	10/01/2004	Nữ	8.0	7.0	7.5	6.0	28.50	7.13	Đạt
164	22402099	B164	Nguyễn Thị	Quỳnh	09/10/2004	Nữ	0.0	7.0	4.5	4.0	15.50	3.88	Không đạt
165	22403094	B165	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	02/01/2004	Nữ	2.0	7.5	9.0	4.5	23.00	5.75	Đạt
166	22403095	B166	Phạm Thị Diễm	Quỳnh	25/04/2003	Nữ	7.0	6.5	5.5	5.0	24.00	6.00	Đạt
167	23903071	B167	Rmah	Rinet	25/07/2005	Nữ	7.0	7.0	5.0	5.0	24.00	6.00	Đạt
168	23903074	B168	Phi Srôn K'	Sôi	18/05/2005	Nữ	5.0	7.0	5.0	3.0	20.00	5.00	Đạt
169	23605017	B169	K'	Sung	14/08/2005	Nam	7.0	6.0	5.5	3.0	21.50	5.38	Đạt
170	22305085	B170	Bá Nữ Thiện	Tâm	03/02/2004	Nữ	3.0	6.5	9.0	4.5	23.00	5.75	Đạt
171	24903134	B171	Hồ Thị	Tâm	16/10/2006	Nữ	7.5	7.0	8.5	5.0	28.00	7.00	Đạt
172	22305086	B172	Hoàng Đức	Tâm	12/03/2004	Nam	2.0	7.0	5.5	5.5	20.00	5.00	Đạt
173	23903077	B173	Hoàng Thị Thanh	Tâm	28/01/2005	Nữ	6.0	6.5	9.0	6.0	27.50	6.88	Đạt
174	23403091	B174	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	29/08/2005	Nữ	6.5	6.5	5.0	4.5	22.50	5.63	Đạt
175	21305142	B175	Phan Trọng	Tấn	13/06/2003	Nam	1.0	6.5	5.0	2.0	14.50	3.63	Không đạt
176	22411009	B176	Giáp Thanh	Thân	29/05/2004	Nam	6.0	7.0	8.5	6.5	28.00	7.00	Đạt
177	22303014	B177	Hồ Văn Vũ	Thắng	19/09/2004	Nam	2.0	7.0	5.5	5.5	20.00	5.00	Đạt
178	21406109	B178	Nguyễn Ngọc Thanh	Thanh	26/06/2003	Nữ	7.5	7.5	8.5	5.0	28.50	7.13	Đạt
179	19307222	B179	Dương Công	Thành	20/02/2001	Nam	5.0	7.0	8.5	7.0	27.50	6.88	Đạt
180	22601036	B180	Bùi Thị Thu	Thảo	30/10/2004	Nữ	7.5	6.5	9.0	7.5	30.50	7.63	Đạt
181	21305272	B181	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/07/2003	Nữ	8.0	3.0	8.5	8.0	27.50	6.88	Đạt
182	22403099	B182	Trần Thị Thanh	Thảo	24/08/2004	Nữ	4.0	8.0	5.0	5.5	22.50	5.63	Đạt
183	23903079	B183	H Mê	Thiam	17/05/2003	Nữ	8.0	5.0	8.5	5.0	26.50	6.63	Đạt
184	22305092	B184	Hà Văn	Thịnh	30/10/2003	Nam	1.0	7.0	8.0	7.0	23.00	5.75	Đạt
185	22406043	B185	Bùi Minh	Thu	27/09/2004	Nữ	9.0	7.0	7.5	7.0	30.50	7.63	Đạt
186	23903081	B186	Lê Thị	Thu	02/08/2005	Nữ	7.5	6.5	9.0	3.5	26.50	6.63	Đạt
187	22305094	B187	Nguyễn Thị Hoài	Thu	15/12/2004	Nữ	4.0	6.5	7.0	6.0	23.50	5.88	Đạt
188	22305097	B188	Hoàng Ngọc Anh	Thư	06/01/2004	Nữ	6.0	7.0	8.0	7.0	28.00	7.00	Đạt
189	22411010	B189	Lê Thị Như	Thuận	07/04/2004	Nữ	5.0	6.5	8.0	5.5	25.00	6.25	Đạt
190	20302029	B190	Đặng Hữu	Thuật	10/06/2001	Nam	6.5	7.0	8.5	3.5	25.50	6.38	Đạt
191	23604016	B191	Nay H'	Thuing	23/11/2003	Nữ	2.0	7.0	7.5	3.0	19.50	4.88	Không đạt
192	23903086	B192	Lưu Thị Hoài	Thương	13/02/2005	Nữ	4.5	7.0	9.0	4.5	25.00	6.25	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
193	23903087	B193	Nguyễn Thị	Thương	01/09/2005	Nữ	2.0	7.0	8.5	4.5	22.00	5.50	Đạt
194	21402292	B194	Trần Thị Kim	Thương	15/11/2003	Nữ	9.0	6.5	8.5	5.0	29.00	7.25	Đạt
195	22403103	B195	Hoàng Thanh	Thúy	18/10/2004	Nữ	8.0	7.0	8.5	5.0	28.50	7.13	Đạt
196	22305095	B196	Trần Thị Hồng	Thúy	28/02/2004	Nữ	5.5	7.0	7.0	5.0	24.50	6.13	Đạt
197	22402108	B197	Lê Thị	Thủy	06/09/1999	Nữ	8.0	7.0	7.5	4.5	27.00	6.75	Đạt
198	23903083	B198	Nguyễn Thanh	Thủy	25/10/2005	Nữ	4.0	7.0	8.0	4.0	23.00	5.75	Đạt
199	22410077	B199	Nguyễn Đình	Tiến	25/01/2004	Nam	2.0	7.0	8.5	3.0	20.50	5.13	Đạt
200	21305167	B200	Nguyễn Văn	Tín	23/05/2003	Nam	5.5	7.0	8.5	2.0	23.00	5.75	Đạt
201	23402111	B201	Trịnh Thiên	Tình	31/03/2005	Nữ	5.5	7.0	9.0	8.0	29.50	7.38	Đạt
202	23903089	B202	H Chăm Ấ	Tô	03/08/2005	Nữ	5.0	7.0	9.0	3.5	24.50	6.13	Đạt
203	23605019	B203	Nguyễn K'	Tới	23/09/2005	Nam	4.0	7.0	8.5	4.0	23.50	5.88	Đạt
204	22411011	B204	Trần Thị	Tới	08/06/2004	Nữ	4.0	7.0	6.5	7.5	25.00	6.25	Đạt
205	21305170	B205	Lê Khánh	Tôn	20/09/2003	Nam	5.5	7.0	8.5	7.0	28.00	7.00	Đạt
206	23406058	B206	Nguyễn Thị Bích	Trâm	20/09/2005	Nữ	7.5	7.0	9.0	6.5	30.00	7.50	Đạt
207	22305109	B207	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	25/03/2004	Nữ	6.5	7.0	7.5	6.0	27.00	6.75	Đạt
208	22305110	B208	Trần Nguyễn Mai	Trân	22/05/2004	Nữ	8.5	7.0	9.0	7.0	31.50	7.88	Đạt
209	22404024	B209	Đoàn Thị Thùy	Trang	05/11/2004	Nữ	8.0	7.0	8.5	6.5	30.00	7.50	Đạt
210	20305177	B210	Lê Thị Huyền	Trang	22/08/2002	Nữ							Hoàn thi
211	22403112	B211	Phạm Thị Huyền	Trang	18/02/2004	Nữ	7.5	7.5	8.0	5.0	28.00	7.00	Đạt
212	22403113	B212	Văn Thị Thiên	Trang	29/11/2003	Nữ	8.0	7.0	9.0	5.5	29.50	7.38	Đạt
213	22402121	B213	H Sen	Trei	01/03/2004	Nữ	6.0	7.5	8.5	7.0	29.00	7.25	Đạt
214	23903092	B214	Lê Thị Lan	Trinh	22/07/2005	Nữ	4.0	7.5	9.0	7.0	27.50	6.88	Đạt
215	22305112	B215	Trần Tú	Trinh	28/03/2004	Nữ	4.0	7.0	6.0	5.0	22.00	5.50	Đạt
216	19302021	B216	Nguyễn Văn	Trọng	07/05/2001	Nam	5.0	7.5	8.5	3.5	24.50	6.13	Đạt
217	21305181	B217	Sơn Thụy Thanh	Trúc	25/12/2003	Nữ	7.5	7.5	8.0	7.5	30.50	7.63	Đạt
218	22305115	B218	Trần Thị Thanh	Trúc	16/10/2004	Nữ	5.0	8.0	9.0	6.0	28.00	7.00	Đạt
219	22410089	B219	Nguyễn Đức Anh	Tú	09/12/2004	Nam	1.0	8.0	9.0	6.0	24.00	6.00	Đạt
220	21305182	B220	Hoàng Văn	Tuấn	24/05/2003	Nữ	5.0	8.0	5.5	5.5	24.00	6.00	Đạt
221	22305119	B221	Nguyễn Anh	Tuấn	17/06/2004	Nam	1.0	7.5	7.5	7.5	23.50	5.88	Đạt
222	22410087	B222	Nguyễn Đức Anh	Tuấn	09/12/2004	Nam	1.0	8.0	8.0	4.0	21.00	5.25	Đạt
223	22410088	B223	Nguyễn Phi	Tuấn	07/02/2004	Nam	4.0	8.5	8.5	6.5	27.50	6.88	Đạt
224	21303020	B224	Rơ Châm	Tuê	11/02/2003	Nam	1.0	8.0	9.0	3.0	21.00	5.25	Đạt
225	22412060	B225	Mạc Thanh	Tuyền	20/07/2004	Nữ	7.0	6.5	7.5	8.0	29.00	7.25	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						Kết quả
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	
226	23403125	B226	Hồ Thị Phương	Uyên	22/03/2005	Nữ	8.5	5.5	8.0	8.0	30.00	7.50	Đạt
227	22305123	B227	Lê Hoàng Bảo	Uyên	29/11/2004	Nữ	4.5	8.0	8.5	3.0	24.00	6.00	Đạt
228	23406061	B228	Vô Thị Mỹ	Uyên	11/06/2005	Nữ	4.0	8.0	9.0	5.5	26.50	6.63	Đạt
229	23410110	B229	Vương Thị Ngọc	Uyên	21/02/2005	Nữ	7.0	5.5	8.5	6.0	27.00	6.75	Đạt
230	23903103	B230	Ka Ví	Uyển	30/06/2005	Nữ	1.0	6.0	8.0	3.0	18.00	4.50	Không đạt
231	23412062	B231	Lê Diệu	Vân	20/03/2005	Nữ	2.0	8.0	8.5	5.5	24.00	6.00	Đạt
232	22410091	B232	Lê Thị Thanh	Vân	25/08/2004	Nữ	5.0	8.0	9.0	6.5	28.50	7.13	Đạt
233	23903095	B233	Rơ Ô H'	Vân	20/10/2005	Nữ	3.5	6.0	8.5	2.5	20.50	5.13	Đạt
234	22306010	B234	Sùng A	Vàng	02/01/2004	Nam	4.5	7.0	5.5	1.5	18.50	4.63	Không đạt
235	21307246	B235	Châu Quốc	Việt	01/01/2003	Nam	7.5	6.0	9.0	7.5	30.00	7.50	Đạt
236	20605054	B236	Ksor Y	Việt	01/06/2002	Nam	5.0	7.0	9.0	1.5	22.50	5.63	Đạt
237	21309085	B237	Trà Thị Mỹ	Việt	20/08/2003	Nữ	3.0	6.0	8.0	3.5	20.50	5.13	Đạt
238	21404040	B238	Nguyễn Ngọc	Vũ	15/06/2003	Nam	7.0	6.0	5.5	5.5	24.00	6.00	Đạt
239	23903096	B239	Y -	Vũ	07/05/2005	Nữ	1.0	6.0	8.5	6.5	22.00	5.50	Đạt
240	23903097	B240	Phạm Yên	Vy	18/07/2005	Nữ	4.0	6.0	9.0	6.5	25.50	6.38	Đạt
241	22607059	B241	Thị Mi	Xa	12/10/2003	Nữ	4.5	6.0	8.0	4.0	22.50	5.63	Đạt
242	20403292	B242	Huỳnh Thị Hồng	Xuân	24/11/2002	Nữ							Hoãn thi
243	22903084	B243	Bơ Nah Ria Nai	Xuyến	29/10/2004	Nữ	6.0	6.0	8.5	5.0	25.50	6.38	Đạt
244	23903098	B244	Đỗ Thị Kim	Xuyến	23/08/2005	Nữ	3.5	6.0	8.5	6.5	24.50	6.13	Đạt
245	23402139	B245	Nguyễn Thị Hải	Yến	13/02/2005	Nữ	4.0	6.5	9.0	6.5	26.00	6.50	Đạt
246	22305137	B246	Phạm Thị	Yến	10/08/2004	Nữ	6.0	6.0	8.0	6.0	26.00	6.50	Đạt
247	23903100	B247	Siu	Yunny	25/09/2004	Nữ	1.0	6.0	8.0	6.0	21.00	5.25	Đạt

Tổng số thí sinh theo danh sách:

247

Số thí sinh tham gia:

227

Số thí sinh hoãn thi:

9

Số thí sinh vắng:

11

Số thí sinh đạt:

172

Số thí sinh không đạt:

55